TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2022
V/v: Xin L hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nhâm Đức Hùng;**

2. Ông **Trần Anh Tuấn.**

Thư ký phiên toà: Ông **Lý Văn Toán** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp xin L hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Danh Chúc L**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện H, tỉnh K.

(Chị Danh Chúc L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh **Lâm Văn Tr**, sinh năm 1984

Địa chỉ: KP.M, thị trấn M, huyện Ch, tỉnh K.

(anh Lâm Văn Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-02-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Danh Chúc Lý trình bày: Vào năm 2013 chị cùng anh Lâm Văn Tr thành lập gia đình với nhau, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2020 giữa chị và anh Tr thường xuyên phát sinh mâu thuẫn: do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xãy ra mâu thuẫn cải vã với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nức. Sau đó chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp M, xã M, huyện H sinh sống và cũng từ thời gian đó vợ chồng sống L thân với nhau cho đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống thì cuộc hôn nhân này cũng không có hạnh phúc, nên chị L quyết định L hôn với anh Lâm Văn Tr

Quá trình chung sống chị L và anh Tr không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Danh Chúc L vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 10-02-2022; Biên bản hòa giải ngày 15-4-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04-5-2022 chị L có *yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Xin đ- ợc L hôn với anh Lâm Văn Tr
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 30-3-2022; biên bản hòa giải ngày 15-4-2022 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày ngày 28-4-2022 Bị đơn anh Lâm Văn Tr trình bày:* anh thống nhất với lời trình bày của chị L về hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay chị L yêu cầu xin L hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý L hôn với chị Danh Chúc L
- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Tr vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 10-02-2022 chị Danh Chúc L có đơn khởi kiện xin L hôn với anh Lâm Văn Tr. Đây là vụ án "Tranh chấp L hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nguyên đơn chị Danh Trúc L và bị đơn anh Lâm Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr chung sống với nhau vào năm 2013 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Danh Trúc L là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản1 Điều 35, điểm a khoản1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr.

2. Về con chung: Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Danh Chúc L và anh Lâm Văn Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Danh Chúc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001079, ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị L không phải nộp thêm.

" Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Chị Danh Trúc L và anh Lâm Văn Tr vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng